

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH Đ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2021/HNGĐ-ST

Ngày 07/ 9/ 2021

V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

**NHÂN DANH
NƠI CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Bạc Thị Liên
- Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Quàng Văn Minh
2. Ông Mùa A Phênh
- Th- ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung -
Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đ

Ngày 07/9/2021. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 254/2021/TLST - HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2021 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo quyết định đ- a vụ án ra xét xử số: 56/2021/QĐXX-ST ngày 19/8/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Thanh H - Sinh năm 1987 (có mặt).
Trú tại: Thôn T, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.
2. Bị đơn: Anh Đỗ Đức H - Sinh năm 1985 (vắng mặt có lý do).
Trú tại: Thôn T, xã N, huyện Đ - Tỉnh Điện Biên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 19/7/2021 và các bản tự khai tại Tòa án nhân dân huyện Đ, chị Đỗ Thị Thanh H (nguyên đơn) trình bày:

1. Về hôn nhân: Tôi và anh H tổ chức đám cưới theo phong tục và có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Q vào ngày 07/3/2006. Chúng tôi kết hôn là tự nguyện, không bị ai ép buộc. Kết hôn rồi lên và chung sống tại đội 23 nay là thôn T, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên sinh sống được một thời gian đến tháng 4/2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống vợ chồng thường xảy ra tranh cãi, hai bên gia đình đã hòa giải nhưng không thành, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Chúng tôi đã ly thân từ tháng 5/2020 không quay lại thăm nom gì nhau, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Vì tình cảm vợ chồng không còn nên tôi làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đ giải quyết cho tôi được ly hôn với anh H.

2. Về con chung: Chị H khai có ba con chung cháu Đỗ Huyền L, sinh ngày 28/10/2006 và Đỗ Khánh L, sinh ngày 05/3/2009; và Đỗ Kim N, sinh ngày

05/8/2015. Quan điểm chị H hiện 3 cháu đang ở cùng chị nên để chị nuôi cả ba cháu cho đến khi các cháu thành niên và có khả năng lao động.

Chị yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1 triệu đồng một cháu cho đến khi các cháu thành niên.(cấp dưỡng cả 3 cháu là 3 triệu)

3. Về tài sản: Tài sản riêng; tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về và diện tích ruộng nương: Chị H khai không có.

Tại bản tự khai ngày 25/7/2021 và đơn xin xét xử vắng mặt anh Đỗ Đức H (bị đơn) trình bày như sau:

1. Về hôn nhân: Tôi và cô H lấy nhau có đi đăng ký kết hôn tại xã T, huyện Đ, tỉnh Q vào ngày 07/3/2006. Chúng tôi kết hôn là tự nguyện, không bị ai ép buộc. Kết hôn rồi lên và chung sống tại đội 23 nay là thôn Tr, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên sinh sống được một thời gian đến tháng 4/2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống vợ chồng thường xảy ra tranh cãi, hai bên gia đình đã hòa giải nhưng không thành, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Chúng tôi đã ly thân từ tháng 5/2020 không quay lại thăm nom gì nhau không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Vì tình cảm vợ chồng không còn nên cô H làm đơn ly hôn tôi đồng ý.

2. Về phần con chung: Tôi và cô H có ba con chung Đỗ Huyền L, sinh ngày 28/10/2006, Đỗ Khánh L, sinh ngày 05/3/2009, và Đỗ Kim N, sinh ngày 05/8/2015. Quan điểm của tôi và cô H đã thống nhất để cả 3 cháu cho cô H nuôi cho đến khi các cháu thành niên và có khả năng lao động, tôi có trách nhiệm cấp dưỡng mỗi tháng 1 triệu đồng một cháu cấp dưỡng cho cả 3 cháu là 3 triệu đồng kể từ khi có quyết định của Tòa án.

3. Về tài sản: Tài sản riêng; Tài sản chung; Nợ phải trả; Nợ lấy về; Diện tích ruộng nương: Không có nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện bản thân tôi đang phải đi làm thuê tại tỉnh H xa nhà và đang có chỉ thị thực hiện giãn cách xã hội do dịch bệnh không về tham gia phiên Tòa được, đề nghị Tòa hòa giải, xét xử vắng mặt tôi ngoài ra tôi không có ý kiến gì thêm.

Tại phiên tòa hôm nay chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn giải quyết việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con và không yêu cầu Tòa án giải quyết quan hệ tài sản như nội dung đơn khởi kiện và bản tự khai chị đã trình bày.

- Anh H có đơn xin xét xử vắng mặt.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về Tố tụng. Bị đơn có địa chỉ tại Thôn Tr, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên do vậy vụ án xin ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39/BLTTDS.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa anh H có đơn xin xét xử vắng mặt căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị Thanh H và anh Đỗ Đức H, tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Q sau đó lên thôn Tr, xã N, huyện Đ sinh sống. Do vậy hôn nhân giữa hai người là hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau bất đồng quan điểm sống đã được hai bên gia đình hòa giải không thành và hai anh chị đã ly thân từ tháng 5/2020 cho đến nay.

Theo lời khai của chị H và tại đơn xác minh về tình trạng hôn nhân của chị H cung cấp theo trưởng thôn và UBND xã N xác nhận ngày 12/8/2021 cho thấy anh H và chị H về chung sống với nhau từ năm 2006 tại thôn T, xã N. Đến tháng 4 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do anh tính tình không hợp nhau, sau khi hòa giải không thành anh H và chị H đã ly thân từ tháng 5 năm 2020 cho đến nay không quay lại. Vì tình cảm không còn cuộc hôn nhân không có hạnh phúc nên chị H làm đơn xin ly hôn.

Tại bản tự khai ngày 25/7/2021 và đơn xin xét xử vắng mặt gửi cho Tòa án anh Hùng đồng ý ly hôn về con chung hai anh chị đã thống nhất từ khi ly thân cho cả ba con gái theo mẹ và theo nguyện vọng của cháu L và cháu L muốn sống cùng mẹ.

Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên nhân chính do hai anh chị bất đồng quan điểm sống tính tình không hợp nhau thường xảy ra cãi vã dẫn đến ly thân, cả hai không có ý định quay lại hàn gắn tình cảm mà đồng ý ly hôn.

Để đảm bảo quyền lợi của cả hai anh chị và để giải phóng cho chị H thoát khỏi tình trạng hiện tại khi mà cuộc hôn nhân không thể đem lại hạnh phúc cho chị, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, vì mục đích của hôn nhân không đạt được. Áp dụng Điều 51, và Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị H xử cho ly hôn giữa chị H và anh Hùng.

[3] Về con chung: Anh H và chị H có ba con chung Đỗ Huyền L, sinh ngày 28/10/2006 và Đỗ Khánh L, sinh ngày 05/3/2009, và Đỗ Kim N, sinh ngày 05/8/2015. Quan điểm chị H xin được nuôi cả ba cháu và theo nguyện vọng cháu L, L muốn sống cùng mẹ. Anh H cũng đồng ý để chị H nuôi dưỡng các cháu. Anh có trách nhiệm cấp dưỡng 1 triệu đồng một cháu trên tháng cấp dưỡng cả 3 cháu là 3 triệu đồng trên tháng kể từ khi có quyết định của Tòa án.

Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyện vọng này của anh chị là phù hợp với qui định tại Điều 110, 116, 117 của luật hôn nhân gia đình và có xem xét nguyện vọng các cháu.

Để đảm bảo quyền lợi cho các cháu và đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của trẻ, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của hai anh chị, căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, giao cháu L, L, N cho chị H được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi d-ỡng. Anh H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung. Anh H có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

[4] Về tài sản: Tài sản riêng; Tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về và diện tích ruộng, nương: Chấp nhận việc hai anh chị không yêu cầu Tòa giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147/BLTTDS và điểm a khoản 5; điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Đỗ Thị Thanh H phải

chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Anh H phải chịu 150.000đ tiền án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 69, 81, 82, 83; Điều 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Đỗ Thị Thanh H được ly hôn với anh Đỗ Đức H

2. Về con chung: Giao ba cháu Đỗ Huyền L, sinh ngày 28/10/2006 và Đỗ Khánh L, sinh ngày 05/3/2009, và Đỗ Kim N, sinh ngày 05/8/2015 cho chị Đỗ Thị Thanh H được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi d- ỡng cho đến khi các cháu thành niên và có khả năng lao động.

Anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng 1 triệu đồng trên một tháng cho một cháu cho đến khi các cháu thành niên và có khả năng lao động. Thời điểm cấp dưỡng kể từ khi có quyết định của Tòa án.

Ng- ời không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai đ- ợc cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

Kể từ ngày chị H có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh H không tự nguyện thi hành án đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con thì anh H phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về tài sản: Chấp nhận việc không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản của nguyên đơn và bị đơn.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147/BLTTDS và điểm a khoản 5, điểm b Khoản 6 Điều 27 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, chị Đỗ Thị Thanh H phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm, chị H đã nộp tạm ứng số tiền 300.000đ theo biên lai số: AA/2020/0000894 ngày 20/7/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ. (chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm).

Anh H phải chịu 150.000đ tiền án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.(anh H chưa nộp)

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án chính, hoặc bản án được niêm yết.

Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự: "Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THA huyện Đ;
- Các đương sự;
- UBND nơi ĐKKH;
- Lưu./

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bạc Thị Liên

